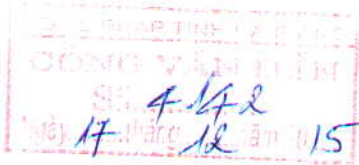


Số: 208/2015/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Quy định về phí chợ trên địa bàn tỉnh Hà Giang



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 Tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 137/TTr-UBND ngày 27/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về phí chợ trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 141/BC-BPC ngày 07/12/2015 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về Phí chợ trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

1. Đối tượng nộp phí chợ:

a) Các tổ chức, cá nhân sử dụng điểm kinh doanh, mặt bằng, diện tích bán hàng, dịch vụ tại chợ; các tổ chức, cá nhân có phương tiện vận tải chở hàng hóa ra, vào chợ và bán hàng trên phương tiện vận tải tại các chợ trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Không áp dụng đối với đối tượng mua hoặc thuê địa điểm kinh doanh tại chợ theo hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh. 6

2. Mức thu phí chợ:

a) Mức thu phí chợ: Tính theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đối với đối tượng không trực tiếp sản xuất nông sản, buôn bán hàng nông sản thì áp dụng mức thu đối với đối tượng kinh doanh, buôn bán khác.

c) Đối với chợ do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng chợ: Mức thu phí tối đa không quá 02 lần mức thu phí chợ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết này.

3. Đơn vị tổ chức thu phí chợ: Ban quản lý chợ, tổ quản lý chợ hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh quản lý chợ.

4. Quản lý, sử dụng nguồn thu phí chợ:

a) Đối với chợ do Ban quản lý, tổ quản lý chợ quản lý:

- Đối với chợ hạng 1, hạng 2 và hạng 3 được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố: Mức trích cho đơn vị tổ chức thu là 60% tổng số phí chợ thu được, 40% còn lại nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Đối với chợ hạng 3 không đầu tư xây dựng kiên cố và bán kiên cố: Mức trích cho đơn vị tổ chức thu là 80% tổng số phí chợ thu được, 20% còn lại nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Đối với chợ gia súc độc lập: Mức trích cho đơn vị tổ chức thu là 80% tổng số phí chợ thu được, 20% còn lại nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành.

b) Chợ do tổ chức, cá nhân kinh doanh quản lý chợ thực hiện theo quy định pháp luật thuế hiện hành.


c) Việc sử dụng, quản lý tiền phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2015.


Thay thế các nội dung có liên quan đến Phí chợ quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 06/2005/NQ-HĐND ngày 08/7/2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc ban hành quy định thu các loại phí.

Điều 3. HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động dưới 20% (theo niên giám thống kê), giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh mức thu phí chợ sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về phí chợ hoặc chỉ số giá tiêu dùng biến động trên 20% thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu phí cho phù hợp.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVI - Kỳ họp thứ 16 thông qua. / 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Trường Đoàn ĐBQH khóa XIII tỉnh Hà Giang;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVI;
- LĐ VP Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH & HĐND; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. 



Triệu Tài Vinh

PHỤ LỤC MỨC THU PHÍ CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số ~~207~~ 2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



TT	Đối tượng nộp phí chợ	Đơn vị tính	Mức thu phí tối đa	
			Chợ trung tâm thành phố Hà Giang và huyện Bắc Quang	Các địa bàn còn lại
I	CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ			
1	Đối với đối tượng kinh doanh cố định, thường xuyên không mua hoặc không thuê địa điểm kinh doanh tại chợ			
a	Vị trí 1: Điểm kinh doanh thuận lợi nhất có mặt tiền hướng đường chính hoặc có mặt tiền đường nội bộ bên ngoài chợ			
	- Chợ hạng 1	đồng/m ² /tháng	112.000	98.000
	- Chợ hạng 2	đồng/m ² /tháng	98.000	84.000
	- Chợ hạng 3:			
	+ Chợ xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố	đồng/m ² /tháng	84.000	70.000
	+ Chợ chưa đầu tư xây dựng kiên cố và bán kiên cố	đồng/m ² /tháng	49.000	35.000
b	Vị trí 2: Điểm kinh doanh thuận lợi có một đường nội bộ nhánh hoặc có mặt tiền đường nội bộ trong nhà chính của chợ			
	- Chợ hạng 1	đồng/m ² /tháng	96.000	84.000
	- Chợ hạng 2	đồng/m ² /tháng	84.000	72.000
	- Chợ hạng 3:			
	+ Chợ xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố	đồng/m ² /tháng	72.000	60.000
	+ Chợ chưa đầu tư xây dựng kiên cố và bán kiên cố	đồng/m ² /tháng	42.000	30.000
c	Vị trí 3: là các vị trí còn lại trong chợ			
	- Chợ hạng 1	đồng/m ² /tháng	80.000	70.000
	- Chợ hạng 2	đồng/m ² /tháng	70.000	60.000
	- Chợ hạng 3:			
	+ Chợ xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố	đồng/m ² /tháng	60.000	50.000
	+ Chợ chưa đầu tư xây dựng kiên cố và bán kiên cố	đồng/m ² /tháng	35.000	25.000
2	Đối với đối tượng kinh doanh không cố định, không thường xuyên tại chợ, bao gồm chợ họp theo phiên			
a	Chợ hạng 1	đồng/hộ/ngày	30.000	25.000

TT	Đối tượng nộp phí chợ	Đơn vị tính	Mức thu phí tối đa	
			Chợ trung tâm thành phố Hà Giang và huyện Bắc Quang	Các địa bàn còn lại
b	Chợ hạng 2			
	Đối với đối tượng kinh doanh công thương nghiệp	đồng/hộ/ngày	25.000	20.000
	Đối với đối tượng buôn bán, kinh doanh khác	đồng/hộ/ngày	20.000	15.000
	Hộ nông dân bán hàng tự sản xuất và tự tiêu thụ	đồng/hộ/ngày	4.000	3.000
c	Chợ hạng 3			
	Đối với đối tượng kinh doanh công thương nghiệp	đồng/hộ/ngày	20.000	15.000
	Đối với đối tượng buôn bán, kinh doanh khác	đồng/hộ/ngày	10.000	5.000
	Hộ nông dân bán hàng tự sản xuất, tự tiêu thụ	đồng/hộ/ngày	3.000	2.000
3	Đối với các chủ hàng hoặc người điều khiển phương tiện vận chuyển ra, vào chợ và bán hàng tại chợ			
a	Phương tiện vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ			
	- Xe thô sơ, xe mô tô	đồng/lượt xe	5.000	3.000
	- Xe ô tô có trọng tải dưới 5 tấn	đồng/lượt xe	10.000	8.000
	- Xe ô tô có trọng tải từ 5 tấn trở lên	đồng/lượt xe	20.000	16.000
b	Bán hàng trên các phương tiện tại chợ			
	- Xe thô sơ, xe mô tô	đồng/ngày/xe	30.000	20.000
	- Xe ô tô có trọng tải dưới 5 tấn	đồng/ngày/xe	60.000	40.000
	- Xe ô tô có trọng tải từ 5 tấn trở lên	đồng/ngày/xe	120.000	80.000
4	Phí chợ đối với gia súc (trong chợ có khu vực bán gia súc; chợ gia súc độc lập; chợ phiên gia súc)			
a	Đại gia súc	đồng/con/ngày	40.000	30.000
b	Gia súc	đồng/con/ngày	12.000	10.000
II	CHỢ DO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẦU TƯ KINH DOANH	Mức thu phí tối đa không quá 02 (hai) lần mức thu nêu trên		